

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 11/9/2019

V/v "Tranh chấp hợp đồng vay"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**

Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trương Thị Diễm**

Bà **Võ Thị Diệu Thảo**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thủy Triều** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C tham gia phiên tòa:

Bà **Lê Thị Hồng Lan** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 56/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 6 năm 2019 về "**Tranh chấp hợp đồng vay**" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐST-DS ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Th**, địa chỉ: Thôn CX, xã ST, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Minh Tr** – địa chỉ: 08 đường L, tổ dân phố NM, phường BN, Thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền. Có mặt.

Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đức L. Có mặt.

2. Trần Thị H. Vắng mặt.

Cùng trú tại địa chỉ: 1650 Đại Lộ H, TDP PL, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Trần Thị H: Ông **Nguyễn Đức M** – địa chỉ: TDP PL, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Ông M có mặt tại phiên tòa, vắng mặt tại phần tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Tăng T, địa chỉ: Thôn CX, xã ST, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

4. Bà Trương Thị H, địa chỉ: TDP PL, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Người đại diện hợp pháp của bà Trương Thị Hoa: bà **Đỗ Thị Thúy H** – địa chỉ: TDP LS,

Phường CL, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa là đại diện theo ủy quyền. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày: Ngày 31/7/2009 vợ chồng ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H có vay của tôi Trương Thị Th số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến khi nào tôi có nhu cầu nhận lại tiền thì sẽ hoàn trả. Vợ chồng ông L và bà H có viết giấy mượn tiền cho tôi. Nhưng sau đó, tôi lại có nợ tiền của em ruột tôi là Trương Thị H một số tiền nên tôi có chuyển giao giấy vay tiền trên cho bà H. Bà H tự viết thêm nội dung trong giấy mượn tiền này “...*Trả tiền lại cho Trương Thị H*”. Sau đó, chúng tôi có yêu cầu ông L, bà H trả tiền đã vay thì ông bà không đồng ý, cứ hẹn hết lần này đến lần khác. Trước đây, bà Trương Thị H có sử dụng giấy vay tiền này để khởi kiện ông L, bà H nhưng ông L, bà H lại lấy lý do chỉ mượn tiền tôi chứ không mượn bà H nên bà H đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên. Nay để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho tôi, tôi yêu cầu ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H phải trả cho tôi số tiền 100.000.000 đồng đã vay của tôi, không yêu cầu trả lãi.

Lúc ông L, bà H viết giấy mượn tiền thì chữ viết là của ông L, còn tôi không nhớ mình có ký tên trên giấy mượn tiền này hay không vì sự việc cũng đã quá lâu.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

2. Bị đơn ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H trình bày: Chúng tôi xác nhận, ngày 31/7/2009 vợ chồng tôi có vay của bà Trương Thị Th số tiền 100.000.000 đồng, hẹn đến khi nào bà Th có nhu cầu nhận lại tiền thì sẽ hoàn trả. Chúng tôi có viết giấy mượn tiền. Nay bà Th khởi kiện chúng tôi có ý kiến như sau: Chúng tôi đồng ý trả cho bà Th số tiền nêu trên, nhưng xin trả dần theo sự thỏa thuận giữa hai bên.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Đức L giữ nguyên các ý kiến nêu trên. Ông xác nhận mình là người viết giấy vay tiền ngày 31/7/2009 và ký tên. Tuy nhiên ông không thừa nhận hàng chữ được viết thêm “...*Trả tiền lại cho Trương Thị H*” và các chữ ký khác hiện có trên giấy vay tiền này. Ông đồng ý trả tiền cho bà Th nhưng xin được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ nhưng phía nguyên đơn không đồng ý.

Ông Nguyễn Đức M đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trần Thị H trình bày ông không biết gì về việc vay mượn tiền giữa nguyên đơn và bị đơn, ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của nguyên đơn.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trương Thị H trình bày: Về số nợ 100.000.000 đồng mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thì phía bà H không có ý kiến gì còn khoản nợ riêng của nguyên đơn đối với bà H thì bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Tăng T trình bày: Việc bà Th cho ông L bà H vay tiền không liên quan gì đến tôi. Số tiền bà Th cho vay là tài sản riêng của bà Th nên tôi không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố C cho rằng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại số tiền đã vay là 100.000.000 đồng. Về án phí bị đơn chịu toàn bộ án phí hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Trương Thị Th – nguyên đơn và bà Trần Thị H - bị đơn vắng mặt nhưng đã có người đại diện hợp pháp của họ tham gia phiên tòa. Mặt khác, bà Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Ông Nguyễn Tăng T và bà Trương Thị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của bị đơn: Nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, ngày 31/7/2009, nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Về mặt hình thức, việc vay mượn được bị đơn là ông Nguyễn Đức L viết giấy mượn tiền. Hội đồng xét xử thấy đây là những tình tiết có thật, không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Phán bị đơn ông Nguyễn Đức L có nại ra việc giấy vay tiền có ghi thêm nội dung “...Trả tiền lại cho Trương Thị H” và có thêm các chữ ký khác là không thể chấp nhận. Về nội dung trình bày này của ông L được nguyên đơn bà Trương Thị Th thừa nhận là do bà H tự ý ghi thêm vì bà Th có nợ bà H một số tiền, mục đích ghi thêm nội dung trên là để chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của bị đơn cho bà H. Tuy nhiên, việc chuyển giao không được sự đồng ý của bị đơn khi bà H khởi kiện đòi bị đơn trả nợ nên nay bà Th khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền này cho bà Hội đồng xét xử thấy, việc ghi thêm các nội dung nêu trên của bà Trương Thị H trên giấy vay tiền không làm phát sinh chuyển giao nghĩa vụ trả nợ của phán bị đơn sang cho bà H và cũng không làm thay đổi bản chất giao dịch vay tiền của phán bị đơn và nguyên đơn.

[4] Xét nội dung giao dịch vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn thì thấy rằng, bị đơn ông Nguyễn Đức L có cho rằng việc vay mượn giữa vợ chồng ông và bà Th là có lãi, tuy nhiên nội dung giấy mượn tiền đề ngày 31/7/2009 không có thể hiện việc lãi và bị đơn cũng không đưa ra tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh. Tại giấy vay tiền cũng xác định việc trả nợ như sau: “Khi nào bà Th có nhu cầu nhận lại vợ chồng tôi sẽ hoàn trả đủ số tiền đã mượn được ghi trong giấy mượn”. Hội đồng xét xử xác định đây là hợp đồng vay không có lãi, không xác định thời hạn. Các bên thỏa thuận bất cứ khi nào nguyên đơn có nhu cầu nhận lại tiền đã cho vay thì bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền. Tuy hợp đồng được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực nhưng nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự 2015 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết tranh chấp theo quy định Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015. Nay bà Th yêu cầu bị đơn trả nợ là hoàn toàn phù hợp với nội dung thỏa thuận giữa các bên và quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận. Về việc bị đơn yêu cầu trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: không có yêu cầu nên không xét. Đối với giao dịch vay tiền giữa bà Trương Thị H và Trương Thị Th, không có yêu cầu khởi kiện nên không xem xét.

[6] Về biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 1 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Phong tỏa tài sản nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 17, địa

chỉ thừa đất Tổ dân phố PL, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL559073, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00226 do UBND Thị xã C (nay là UBND Thành phố C) cấp ngày 30/10/2008 cho ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H: xét thấy cần tiếp tục giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời này để đảm bảo việc thi hành án. Đối với khoản tiền bảo đảm 15.000.000 đồng tại tài khoản số 4702205278609 tại Ngân hàng N – Chi nhánh C của bà Trương Thị Th, cần tiếp tục phong tỏa theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Về án phí Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí là 5.000.000 đồng. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí là 2.500.000 đã nộp.

[8] Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn ông Nguyễn Đức L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Trần Thị H đã tham gia phiên tòa nhưng khi Tòa án tuyên án đã vắng mặt mà không có lý do chính đáng nên thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 466, Điều 469 và Điều 688 luật dân sự năm 2015;
- Điều 92, Điều 244, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí tố tụng.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H phải trả cho bà Trương Thị Th số tiền đã vay là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

2. Giữ nguyên biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” quy định tại khoản 1 Điều 114 và Điều 126 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Phong tỏa tài sản nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 274, tờ bản đồ số 17, địa chỉ thửa đất Tổ dân phố PL, phường CP, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AL559073, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00226 do UBND Thị xã C (nay là UBND Thành phố C) cấp ngày 30/10/2008 cho ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H đã áp dụng theo quy định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2019/QĐ-BPKCTT ngày 13/6/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố C. Tiếp tục thực hiện biện pháp đảm bảo: phong tỏa số tiền 15.000.000 đồng tại tài khoản số 4702205278609 - Ngân hàng N – Chi nhánh C của bà Trương Thị Th.

3. **Án phí** Bị đơn ông Nguyễn Đức L và bà Trần Thị H phải chịu án phí là 5.000.000 đồng, hoàn lại cho nguyên đơn bà Trương Thị Th số tiền án phí là

2.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000456 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố C.

4. Quy định:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND TP. C;
- Dương sự;
- THADS Tp. C;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Hiếu